

Số: 186 /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 114/TTr-STP;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

2. Các Quyết định và Chỉ thị sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định;

c) Chỉ thị số 03/2016/CT-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chức

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.
- Việc phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan.
- Đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ trong phối hợp thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính.
- Bảo đảm công tác quản lý và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Điều 4. Nội dung phối hợp

- Xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.
3. Phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.
6. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.
2. Tổ chức họp; hội nghị sơ kết, tổng kết.
3. Tham gia đoàn kiểm tra liên ngành.
4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp
 - a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;
 - b) Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chung về xử lý vi phạm hành chính theo quy định;
 - c) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới để hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã
 - a) Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thi hành các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý;
 - b) Tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn.

Điều 7. Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp

a) Biên soạn tài liệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các Sở, ban, ngành tổ chức phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, ngành mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến pháp luật, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính tới cán bộ, nhân dân trên địa bàn quản lý.

Điều 8. Phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của người lập biên bản vi phạm hành chính; thủ trưởng cơ quan người lập biên bản vi phạm hành chính

a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan;

b) Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì lập hồ sơ xử phạt và chuyển hồ sơ xử phạt đến người có thẩm quyền xử phạt đảm bảo đúng quy định. Hồ sơ gồm: Biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan; văn bản tham mưu trình người có thẩm quyền xử phạt do thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính đề xuất; dự thảo Quyết định xử phạt và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Thực hiện việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định;

d) Tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi được người có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính giao trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt);

đ) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, phối hợp thực hiện xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính và thực hiện việc tổ chức giải trình theo quy định;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định tịch thu tang vật, phương tiện và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (đối với trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với hồ sơ vụ việc theo Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giao cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan có liên quan rà soát hồ sơ xử phạt trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt.

Điều 9. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành và đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm cử công chức tham gia đoàn kiểm tra, đoàn kiểm tra liên ngành khi có yêu cầu.

Điều 10. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương và tích hợp với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do đơn vị mình thực hiện vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 11. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ hàng năm

a) Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, địa phương mình gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp);

b) Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định;

c) Nội dung và thời gian chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ và Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị theo trách nhiệm được phân công tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, quyết định./.